

PHÒNG GD - ĐT.....  
TRƯỜNG TH & THCS .....

**KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA KÌ II**  
MÔN: Lịch Sử - Địa Lí 6  
NĂM HỌC: 2021- 2022.  
(Thời gian làm bài: 90 phút)

**ĐỀ KIỂM TRA LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 6**

**A - MA TRẬN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 6**

| T<br>T | Nội dung kiến thức                                               | Đơn vị kiến thức                                                                                                               | Mức độ nhận thức |            |            |            |          |            |              |            | Tổng  |     |    |           |
|--------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|------------|------------|----------|------------|--------------|------------|-------|-----|----|-----------|
|        |                                                                  |                                                                                                                                | Nhận biết        |            | Thông hiểu |            | Vận dụng |            | Vận dụng cao |            | Số CH |     | TG | % T. điểm |
|        |                                                                  |                                                                                                                                | Số C H           | TG (ph út) | Số C H     | TG (ph út) | Số C H   | TG (ph út) | Số C H       | TG (ph út) | T N   | T L |    |           |
| 1      | Nước Văn Lang- Âu Lạc                                            | Bài 12 : Nước Văn Lang                                                                                                         | 3                | 3          |            |            | 1/2      | 10         | 1/2          | 5          | 3     | 1   | 18 | 2,25      |
|        |                                                                  | Bài 13: Nước Âu Lạc                                                                                                            | 2                | 2          |            |            |          |            |              |            | 2     |     | 2  | 0,5       |
| 2      | Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc( Từ thế kỷ II TCN đến năm 938) | Bài 14: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, văn hoá của Việt Nam thời Bắc thuộc | 1                | 1          | 1          | 15         |          |            |              |            | 1     | 1   | 16 | 1,75      |
| 3      | Khí hậu và biến đổi khí hậu                                      | Bài 13. Khí quyển của trái đất. Các khối khí. Khí áp và gió                                                                    | 2                | 2          |            |            | 1        | 20         |              |            | 2     | 1   | 22 | 2,5       |
|        |                                                                  | Bài 14: Nhiệt độ và Mưa. Thời tiết và khí hậu                                                                                  | 1                | 1          | 1          | 20         |          |            |              |            | 1     | 1   | 21 | 2,25      |
|        |                                                                  | Bài 15: Biến đổi KH và ứng phó với BĐ KH                                                                                       |                  | 1          | 1          |            |          |            |              |            | 1     |     | 1  | 0,25      |
| 4      | Nước trên TD                                                     | Bài 18 : Sông, nước ngầm, băng hà                                                                                              | 1                | 1          |            |            |          |            |              |            | 1     |     | 1  | 0,25      |
| 5      | Đất và sinh vật trên TD                                          | Bài 21: Lớp đất trên TD                                                                                                        | 1                | 1          |            |            |          |            |              |            | 1     |     | 1  | 0,25      |

|                                      |  |    |    |    |    |     |    |     |    |        |        |    |    |
|--------------------------------------|--|----|----|----|----|-----|----|-----|----|--------|--------|----|----|
| <b>Tổng</b>                          |  | 14 | 40 | 1  | 20 | 1/2 | 20 | 1/2 | 10 | 1<br>2 | 4      | 90 | 10 |
| <b>Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức</b> |  | 40 |    | 30 |    | 20  |    | 10  |    | 3<br>0 | 7<br>0 | 90 |    |

**B - ĐẶC TẢ**

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  
**MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 6**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| T<br>T | Nội<br>dung<br>kiến<br>thức                          | Đơn vị<br>kiến thức                                                             | Mức độ kiến thức, kỹ năng<br>cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số câu hỏi theo<br>mức độ nhận thức |                   |             |                    |
|--------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|-------------|--------------------|
|        |                                                      |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận<br>biết                        | Thôn<br>g<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận<br>dụng<br>cao |
| 1      | Nước<br>Văn<br>Lang-<br>Âu<br>Lạc                    | Bài 12 :<br>Nước Văn<br>Lang                                                    | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khoảng thời gian thành lập, trình bày được tổ chức của Nhà nước Văn Lang<br>- Nhận biết được phạm vi lãnh thổ của nước Văn Lang thuộc khu vực ngày nay<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Vẽ được sơ đồ NN Văn Lang<br><b>Vận dụng</b><br>- Nhận xét bộ máy Nhà nước Văn Lang                              | 3<br>( Câu<br>1,2,3)                |                   |             |                    |
|        |                                                      | Bài 13:<br>Nước Âu<br>Lạc                                                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khoảng thời gian thành lập, trình bày được tổ chức của Nhà nước Âu Lạc<br>- Nhận biết được phạm vi lãnh thổ của nước Âu Lạc thuộc khu vực ngày nay<br>- Nêu được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu Lạc<br><b>Vận dụng</b><br>- Nhận xét bộ máy Nhà nước Âu Lạc so với Nhà nước Văn Lang | 2<br>( Câu<br>4,5)                  |                   |             |                    |
| 2      | Thời<br>Bắc<br>thuộc<br>và<br>chống<br>Bắc<br>thuộc( | Bài 14:<br>Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc<br>- Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội và văn hoá Việt Nam thời Bắc thuộc                                                                                                                      | 1<br>( Câu<br>6)                    |                   |             |                    |

|                                 |                                      |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                 |           |           |
|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|-----------|-----------|
|                                 | <b>Từ thế kỷ II TCN đến năm 938)</b> | biển kinh tế, văn hoá của Việt Nam thời Bắc thuộc           | <b>Thông hiểu:</b><br>- Giải thích được lý do vì sao thế lực PKPB đánh thuế nặng vào sắt và muối.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Miêu tả được đời sống của nhân dân ta dưới ách thống trị của PKPB.<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Đánh giá được những chính sách cai trị của PKPB đối với nhân dân ta |                    | 1*<br>( Câu 14) |           |           |
| 3                               | <b>Khí hậu và biến đổi khí hậu</b>   | Bài 13. Khí quyển của trái đất. Các khối khí. Khí áp và gió | <b>Nhận biết</b><br>- Vị trí đai áp cao<br>- Đặc điểm tầng bình lưu<br>- Các loại gió trên trái đất<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vẽ sơ đồ tư duy về các loại gió trên TĐ                                                                                                                           | 2<br>( Câu 7, 8)   | 1*<br>( Câu 16) |           |           |
|                                 |                                      | Bài 14: Nhiệt độ và Mưa. Thời tiết và khí hậu               | <b>Nhận biết:</b><br>Nguồn cung cấp hơi nước                                                                                                                                                                                                                                                   | 1 câu<br>( Câu 9)  |                 |           |           |
|                                 |                                      | Bài 15: Biến đổi KH và ứng phó với BĐ KH                    | <b>Nhận biết:</b><br>Những biểu hiện của biến đổi khí hậu                                                                                                                                                                                                                                      | 1 câu<br>( Câu 10) |                 |           |           |
| 4                               | <b>Nước trên TĐ</b>                  | Bài 18 : Sông, nước ngầm, băng hà                           | <b>Nhận biết:</b><br>Chế độ nước của sông                                                                                                                                                                                                                                                      | 1 câu<br>( Câu 11) |                 |           |           |
| 5                               | <b>Đất và sinh vật trên TĐ</b>       | Bài 21: Lớp đất trên TĐ                                     | <b>Nhận biết:</b><br>Các nhân tố hình thành đất                                                                                                                                                                                                                                                | 1 câu<br>( Câu 12) |                 |           |           |
| <b>Tổng</b>                     |                                      |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 14                 | 1,0             | 0,5       | 0,5       |
| <b>Tỉ lệ % theo từng mức độ</b> |                                      |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>40</b>          | <b>30</b>       | <b>20</b> | <b>10</b> |

## C - ĐỀ KIỂM TRA

### I - PHẦN TRẮC NGHIỆM( 3đ)

**Câu 1: Lãnh thổ chủ yếu của nước Văn Lang và Âu Lạc thuộc khu vực nào của nước Việt Nam hiện nay?**

- A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ.  
 B. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ

- C. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ  
 D. Nam Bộ và Nam Trung Bộ

**Câu 2: Người đứng đầu một Bộ là?**

- A. Lạc hầu                      B. Lạc tướng                      C. Vua Hùng                      D. Lạc dân

**Câu 3: Kinh đô của nước Văn Lang đóng ở?**

- A. Phong Châu( Phú Thọ ngày nay)                      C. Phong Khê( Hà Nội ngày nay)  
B. Mê Linh( Hà Nội ngày nay)                      D. Luy Lâu( Bắc Ninh ngày nay)

**Câu 4: Nước Âu Lạc ra đời vào năm nào?**

- A. 218 TCN                      B. 207 TCN                      C. 208 TCN                      D. 179 TCN

**Câu 5: Nhà nước Âu Lạc do ai lập ra?**

- A. Hùng Vương                      B. Hai Bà Trưng                      C. Bà Triệu                      D. Thục Phán

**Câu 6: Dưới thời Bắc thuộc các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách bóc lột về kinh tế đối với người Việt như thế nào?**

- A. Thu mua lương thực, lâm sản, hương liệu quý  
B. Thu tô thuế, bắt cống nạp sản vật, nắm độc quyền về lúa gạo  
C. Thu tô thuế, bắt cống nạp sản vật, nắm độc quyền về sắt và muối  
D. Vơ vét sản vật, bắt dân đi lao dịch, nắm độc quyền buôn bán rượu.

**Câu 7: Không khí khô và chuyển động thành luồng ngang là đặc điểm của tầng không khí nào sau đây?**

- A. Tầng đối lưu.                      B. Tầng bình lưu.                      C. Tầng giữa.                      D. Tầng nhiệt.

**Câu 8: Gió thổi từ vùng áp cao 2 cực về vùng áp thấp 60°B, N được gọi là gió**

- A. Tín phong.                      B. Tây ôn đới.                      C. Động cực.                      D. Gió Nam

**Câu 9. Nguồn cung cấp hơi nước lớn nhất là từ :**

- A. biển và đại dương.                      B. sông, suối.                      C. đất liền.                      D. băng tuyết.

**Câu 10: Dòng chảy của sông trong năm được gọi là:**

- A. chế độ nước sông                      B. lưu lượng nước sông Hồng.  
C. tốc độ chảy.                      D. lượng nước của sông.

**Câu 11: Nguồn cung cấp chất khoáng cho đất là**

- A. đá mẹ.                      B. khí hậu.                      C. thực vật.                      D. động vật

**Câu 12: Biến đổi khí hậu không bao gồm biểu hiện nào sau đây?**

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng.  
B. Lớp băng tan làm cho mực nước biển dâng.  
C. Thiên tai xảy ra thường xuyên và bất thường.  
D. Sử dụng nhiều nguồn nhiên liệu hoá thạch

**PHẦN II - PHẦN TỰ LUẬN( 7 điểm)**

**Câu 13 (1,5 điểm):** Vẽ sơ đồ nhà nước Văn Lang? Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước Văn Lang?

**Câu 14 (1,5 điểm):** Những chuyển biến về kinh tế nước ta thời Bắc thuộc?

**Câu 15 (2 điểm):** Vẽ sơ đồ tư duy về các loại gió thổi thường xuyên trên TĐ

**Câu 16 ( 2 điểm):** Trình bày đặc điểm các đới khí hậu trên TĐ?

**D – ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM :**

**I - PHẦN TRẮC NGHIỆM(3đ): Mỗi ý đúng 0,25đ:**

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đ/a | C | B | A | C | D | C | B | C | A | A  | A  | D  |

## II - PHẦN TỰ LUẬN(7 điểm)

| Câu hỏi | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điểm              |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 13      | Sơ đồ Nhà nước Văn Lang:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,25              |
|         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |
|         | <b>Nhận xét:</b><br>- Còn đơn giản, sơ sài, chưa có luật pháp, chưa có quân đội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,25              |
| 14      | Những chuyển biến về kinh tế nước ta thời Bắc thuộc?<br>- HD kinh tế chính : trồng lúa nước, cây ăn quả, chăn nuôi<br>- Sử dụng công cụ lao động bằng sắt, đồng; sử dụng trâu, bò làm sức kéo; biết đắp đê phòng ngập lụt<br>- Thủ công nghiệp : phát triển nghề truyền thống : rèn sắt, đúc đồng, làm gốm; xuất hiện 1 số nghề mới : làm giấy, đường...                                 | 0,5<br>0,5<br>0,5 |
| 15      | <b>Vẽ sơ đồ tư duy các loại gió thổi thường xuyên trên trái đất</b><br>- Nội dung :<br>+ Gió Tín phong: thổi từ vùng áp cao 30°B, N về vùng áp thấp XĐ. Hướng lệch tây<br>+ Gió Tây ôn đới: thổi từ vùng áp cao 30°B, N về vùng áp thấp 60°B, N. Hướng lệch đông<br>+ Gió Đông cực: thổi từ vùng áp cao 2 cực về vùng áp thấp 60°B, N. Hướng lệch tây<br>Hình thức : vẽ sơ đồ tư duy đẹp | 1,0<br>0,5        |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| <b>16</b> | <b>Trình bày đặc điểm các đới khí hậu trên TĐ</b><br>- Đới nóng:<br>+ Giới hạn từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam<br>+ Nóng quanh năm, mưa nhiều<br>+ Gió Tín phong thổi thường xuyên<br>Đới ôn hòa<br>+ Giới hạn : từ 2 chí tuyến đến 2 vòng cực<br>+ Nhiệt độ và lượng mưa trung bình<br>+ Gió Tây ôn đới thổi thường xuyên<br>Đới lạnh:<br>+ Giới hạn: từ 2 vòng cực đến 2 cực<br>+ Lạnh giá quanh năm, mưa rất ít<br>+ Gió Đông cực thổi thường xuyên | <b>2,0</b> |